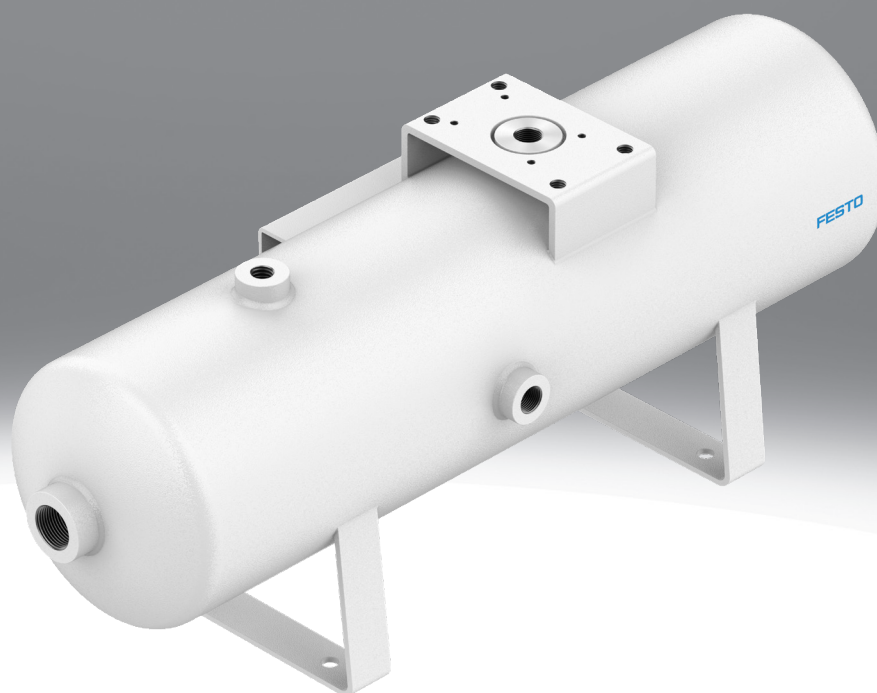


Bình tích áp ARVA

FESTO



Đặc trưng

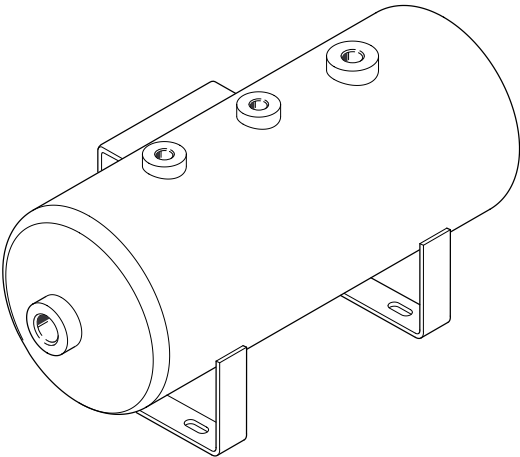
Tổng quan

Bình khí nén dành cho bộ khuếch đại áp suất PBPA, cả hai có thể được kết hợp thành một giải pháp tổng thể nhỏ gọn.

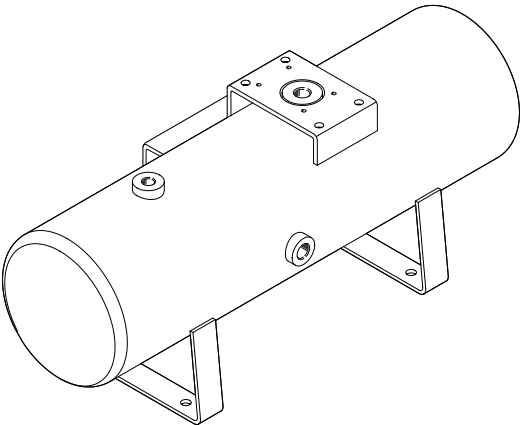
- Để bù dao động áp suất và dưới dạng bình chứa trong trường hợp tiêu thụ không khí đột ngột.
- Cung cấp lượng khí nén lớn hơn để cung cấp cho các bộ truyền động xung nhịp nhanh.
- Thời gian trì hoãn để tăng áp suất có thể đạt được khi kết hợp với van tiết lưu.

Kiểu lắp

[] Tiêu chuẩn



[P1] có tấm để lắp trực tiếp vào bộ khuếch đại áp suất PBPA



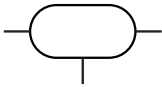
Mã mẫu

001	Dòng	
ARVA	Bình tích áp	
002	Thể tích [l]	
5	5	
10	10	
20	20	

003	Kiểu lắp	
	Tiêu chuẩn	
P1	có tấm để lắp trực tiếp vào bộ khuếch đại áp suất PBPA	

Bảng dữ liệu

Thông số kỹ thuật chung



Khối lượng	5 l	10 l	20 l
Kiểu gắn	với lỗ xuyên		
Vị trí lắp đặt	bất kì		

Các điều kiện vận hành và môi trường

Áp suất vận hành	-95 ... 2 MPA
Áp suất vận hành	-950 ... 20 bar
Áp suất vận hành	-13.775 ... 290 psi
Môi chất vận hành	Khí
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 ... 100°C
Nhiệt độ trung bình	0 ... 100°C
Lớp chống ăn mòn KBK ¹⁾	3 - ứng suất ăn mòn mạnh
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo Chỉ thị thiết bị áp suất của EU
Giấy phép	CRN

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk

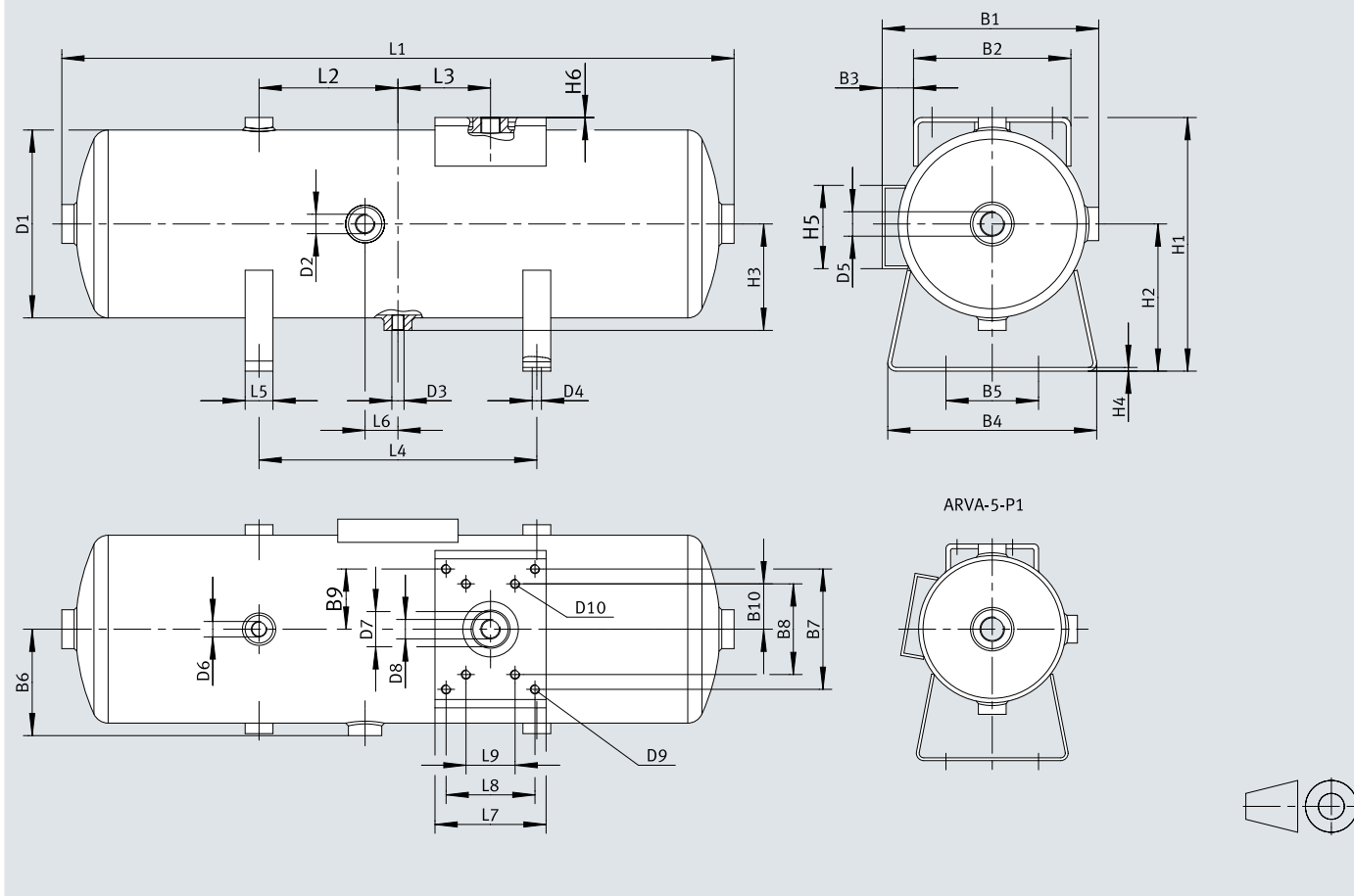
Vật liệu

Vật liệu bình tích áp	Thép sơn tĩnh điện
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III

Kích thước

Kích thước – ARVA-...-P1

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



	B1	B2	B3	B4	B5	B6	B7	B8	B9	B10	D1 ø
				±2	±1		±0,3	±0,3	±0,5	±0,5	
ARVA- 5-P1	190,9	100	48,9	164	100	92	60	–	38	–	159 ±2
ARVA-10-P1	185	120	32,5	166	100	92	60	98	65	49	159 ±2
ARVA-20-P1	233,8	170	33,8	226	100	115	130	98	65	49	203 ±3

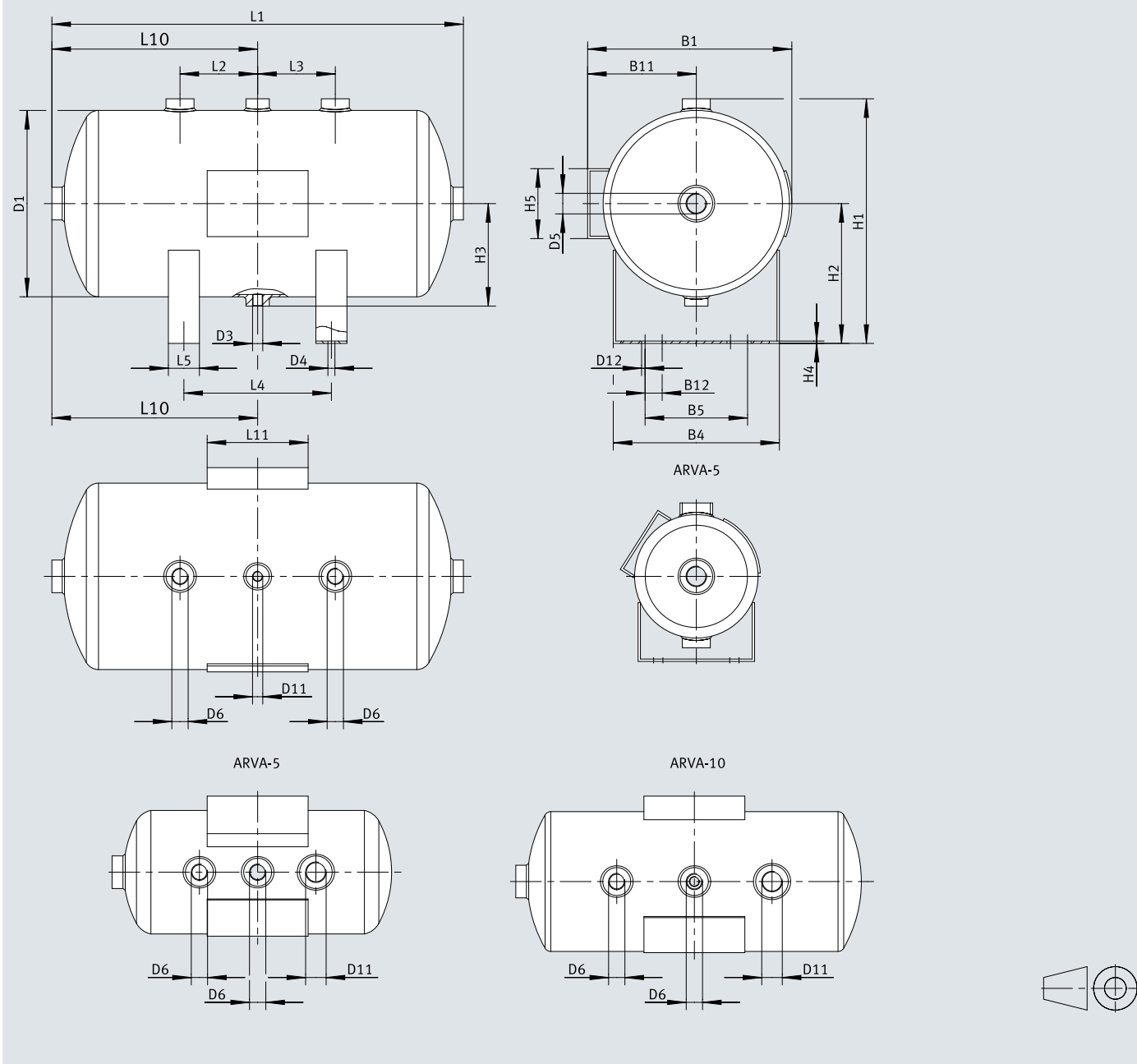
	D2 ¹⁾	D3 ¹⁾	D4 ø	D5 ¹⁾	D6 ¹⁾	D7 ø	D8 ¹⁾	D9	D10	H1 ±3	H2
ARVA- 5-P1	Rc 3/8	Rc 1/4	10 +1/0	Rc 3/4	Rc 1/4	30	Rc 3/8	M5	–	234	142 ±1,5
ARVA-10-P1	Rc 3/8	Rc 1/4	10	Rc 3/4	Rc 1/4	38	Rc 3/8	M10	M5	234	142
ARVA-20-P1	Rc 1/2	Rc 1/4	10	Rc 3/4	Rc 3/8	38	Rc 1/2	M10	M10	274	159 ±1,5

	H3	H4	H5	H6	L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9
					±3			±1,5				±0,3	±0,3
ARVA- 5-P1	92	3	90	0 ±0.35	340	70	40	150	30	18	60	40	–
ARVA-10-P1	92	4	90	0 ±0.4	616	150	55	300	30	35,5	80	53	40
ARVA-20-P1	115	4	90	0 ±0.45	726	150	100	300	30	35,5	120	96	53

Kích thước

Kích thước – ARVA-...

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



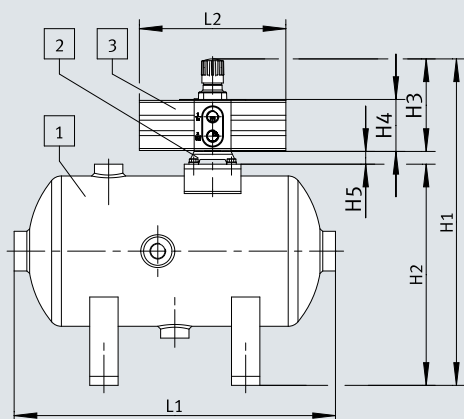
	B1	B4 ±2	B5	B11	B12	D1 ø	D3 ¹⁾	D4 ø	D5 ¹⁾	D6 ¹⁾	D11 ¹⁾	D12
ARVA- 5	180,4	150	110	~98	12	159 ±2	Rc 1/2	9	Rc 3/4	Rc 1/2	Rc 3/4	4,5
ARVA-10	201,6	160	121	110	21	180 ±2	Rc 1/4	9	Rc 3/4	Rc 1/2	Rc 3/4	4,5
ARVA-20	263	214	132	140	22	240 ±3	Rc 1/4	9	Rc 3/4	Rc 1/2	Rc 1/4	4,5

	H1	H2	H3	H4	H5	L1	L2	L3	L4 ±1,5	L5	L10	L11
ARVA- 5	204	109,5	92	3	90	360	75	75	170	30	180	130
ARVA-10	230 ±3	125	102	3	90	445 ±3	100	100	220	30	230	130
ARVA-20	315 ±3	180 ±1,5	132	3	90	530 ±3	100	100	190	40	265	130

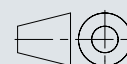
Kích thước

Kích thước – ARVA-...-P1 có bộ khuếch đại áp suất PBPA

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



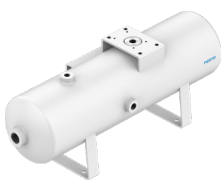
- [1] Bình chứa khí ARVA
- [2] Giá lắp PAMA
- [3] Bộ khuếch đại áp suất PBPA



			H1	H2 ±3	H3	H4	H5	L1 ±3	L2
ARVA- 5-P1	PAMA-P1-MB-40	PBPA-40-...-A	345,5	234	98	55	13,5	340	155
ARVA-10-P1	PAMA-P1-MB-63	PBPA-63-...-A	411	234	159	77	18	616	249
ARVA-20-P1	PAMA-P1-MB-100	PBPA-100-...-A	525,5	274	233	117	18,5	726	333,4

Thông tin đặt hàng

Thông tin đặt hàng – tiêu chuẩn				
	Khối lượng	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
	5 l	5.980 g	8240348	ARVA-5
	10 l	7.960 g	8240349	ARVA-10
	20 l	11.720 g	8240350	ARVA-20

Thông tin đặt hàng – có tấm để lắp trực tiếp vào Bộ khuếch đại áp suất PBPA				
	Khối lượng	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
	5 l	6.100 g	8240345	ARVA-5-P1
	10 l	9.400 g	8240346	ARVA-10-P1
	20 l	14.350 g	8240347	ARVA-20-P1